

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2022
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Chuộng
2. Ông Võ Văn Cho

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 323/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thanh T

Địa chỉ: ấp VX, xã N, huyện P, thành phố C. Có mặt

- Bị đơn: Anh Trần Thanh P

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện CTA, tỉnh H. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thanh T trình bày: Chị và anh P tự quen biết, sau thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện CTA, tỉnh H vào ngày 15/11/2020. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách chăm sóc gia đình và giáo dục con chung, cả hai không tìm được tiếng nói chung nên hôn nhân mất hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung

sống với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Thanh P.

Về con chung: Thời gian chung sống, chị và anh P có 01 con chung tên Trần Thị Ánh D, giới tính: Nữ, sinh ngày 01/5/2020, hiện tại cháu đang sống với chị, chị có yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Trần Thanh P trình bày: Anh và chị T chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian chung sống với nhau có xảy ra xự cãi vài lần nhưng mâu thuẫn không lớn, sau đó anh vô tình phát hiện chị T nhắn tin qua lại với người khác anh có nói sau khi đi làm về thì vợ chồng nói chuyện cho rõ nhưng khi anh về thì chị T đã gom đồ và bỏ đi nơi khác, anh có đi tìm và biết được chị T xin làm tại 01 quán karaoke tại Bình Phước, anh có năn nỉ, khuyên vợ về chung sống nhưng chị T không đồng ý và phát sinh cự cãi, trong lúc nóng giận anh có đánh chị T mấy bạt tay nên chị T gởi đơn ly hôn đến Tòa án. Nay anh vẫn còn thương vợ và con nên yêu cầu cho anh được đoàn tụ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Ánh D, sinh ngày 01/5/2020, hiện con chung đang sống với chị T. Nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh có yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà: Chị Trần Thanh T khai và giữ nguyên yêu cầu như trước đây. Anh Trần Thanh P yêu cầu Tòa án xem xét cho anh và chị T được đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của bị đơn Tòa xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Trần Thanh P, hiện tại có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện CTA, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P chung sống với nhau từ năm 2019, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh P không quan tâm, chăm lo cho gia đình và có hành vi bạo lực, anh P cho rằng chị T có quen biết người khác nên mới yêu cầu ly hôn, Tòa đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho anh, chị được đoàn tụ nhưng không thành. Chị T kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng chị T kiên quyết không thể chung sống với anh P nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Thanh T được ly hôn với anh Trần Thanh P.

[2]. Về con chung: Chị T và anh P điều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy chị T và anh P sống với nhau có 01 con chung tên Trần Thị Ánh D, giới tính: Nữ, sinh ngày 01/5/2020, hiện tại cháu đang sống chung với chị T, hiện tại cháu Ánh D mới hơn 28 tháng tuổi, căn cứ Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu Trần Thị Ánh D cho chị Trần Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh P chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

[4]. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Trần Thanh T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thanh T được ly hôn với anh Trần Thanh P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Ánh D, giới tính: Nữ, sinh ngày 01/5/2020 cho chị Trần Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Thanh P chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Trần Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0012074 ngày 01/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Chị T không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/9/2022.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND xã T
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Minh Mẫn